



VIỆC RA QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA GIA ĐÌNH Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG TRONG MỐI QUAN HỆ GIỚI

Trần Hạnh Minh Phương

Trường Đại học Thủ Dầu Một

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 19/12/2016

Ngày nhận bài sửa: 24/03/2017

Ngày duyệt đăng: 28/06/2017

Title:

Decision-making the issues of family in the Mekong delta in gender relations

Từ khóa:

Quyền quyết định, bình đẳng giới, gia đình, Đồng bằng sông Cửu Long

Keywords:

Decision-making power, gender equality, families, Mekong Delta

ABSTRACT

Research on decision-making process in family is not a new topic in sociology. The sociologists often tended to investigate "the decision-making process on families' problems" (along with the division of labor according to gender) as an indicator to measure the degree of equality between husbands and wives in the families. But, as far as we're concerned, from the anthropological approach however, this research indicator would properly reflect the essence of inequality, if the features such as: academic level of members, income, family's circumstance and livelihood would be deeply concerned. Results of a research in the four communes of Khanh Hung (Vinh Hung district, Long An province), Kien An (Cho Moi district, An Giang province), Vinh Trinh (Vinh Thanh district, Can Tho city) and Tan Hung Dong (Cai Nuoc district, Ca Mau province) has proved that: the key actor working on a certain activity will be the one who makes final decisions on that job.

TÓM TẮT

Nghiên cứu về quyền ra quyết định các vấn đề của gia đình không phải là chủ đề mới trong xã hội học. Các nhà xã hội học thường có khuynh hướng xem "việc ra quyết định các vấn đề của gia đình" (cùng với phân công lao động) là một chỉ báo để đo lường mức độ bình đẳng giữa chồng và vợ trong gia đình. Tuy nhiên, từ cách tiếp cận nhân học, để chỉ báo này phản ánh đúng bản chất của vấn đề bất bình đẳng cần quan tâm đến tính chất của từng sự việc trong gia đình, trình độ học vấn, thu nhập, bối cảnh và sinh kế của từng gia đình. Kết quả nghiên cứu ở bốn xã: Khánh Hưng (huyện Vĩnh Hưng, tỉnh Long An), Kiên An (huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang), Vĩnh Trinh (huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ) và Tân Hưng Đông (huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau) cho thấy: ai làm chính công việc nào sẽ là người quyết định cuối cùng công việc ấy.

Trích dẫn: Trần Hạnh Minh Phương, 2017. Việc ra quyết định các vấn đề của gia đình ở Đồng bằng sông Cửu Long trong mối quan hệ giới. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ. 50d: 96-107.

1 GIỚI THIỆU

Từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, Nhà nước Việt Nam chính thức khẳng định quyền bình đẳng không phân biệt giới tính nam, nữ. Theo kết quả Tổng điều tra dân số (ngày 1/4/2009), cả nước có 43.433.854 nữ, chiếm 50,6% dân số và lao động nữ chiếm 46,6% tổng lực lượng lao động Việt Nam (Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2009). Như vậy, ở

góc độ quan phương, vị thế nam giới và nữ giới ngang bằng nhau về dân số, khả năng lao động tạo ra của cải vật chất và được pháp luật thừa nhận. Mặt khác, Nam Bộ nói chung và Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) nói riêng, ảnh hưởng của Nho giáo nhạt nhòa, trong khi đó các tư tưởng tôn giáo địa phương như Phật giáo Hòa Hảo, đạo Cao Đài đề cao tính bình đẳng nam nữ. Hơn nữa, Nam Bộ sớm tiếp xúc với văn hóa phương Tây vốn tôn trọng phụ

nữ. Vậy liệu những yếu tố này có ảnh hưởng đến sự bình đẳng giới trong quan hệ vợ - chồng hay không? Nghiên cứu này cho thấy “*việc ra quyết định các vấn đề của gia đình*” (cùng với sự phân công lao động) là một chỉ báo quan trọng để đo lường mức độ bình đẳng trong quan hệ vợ chồng.

2 CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

2.1 Cơ sở lý luận

2.1.1 Khái niệm giới (gender)

Thuật ngữ “*giới*” xuất hiện vào khoảng những thập niên 1980 đã tạo nên một chương trình nghị sự xoay quanh thuật ngữ này và sau đó vấn đề giới thu hút nhiều nghiên cứu của ngành xã hội học.

Giới là một phạm trù xã hội được thiết lập qua các đặc trưng văn hóa nhằm xác định hành vi của nam và nữ, xác lập mối quan hệ giữa hai giới tính đó. Bởi vậy, giới thể hiện sự khác biệt trong các vai trò và trách nhiệm xã hội của phụ nữ và nam giới. Giới được thể hiện ở vai trò chuyển đổi mang tính xã hội mà chúng được chấp nhận ở mỗi giới.

Oakley (1972) đã phân biệt hai thuật ngữ “*giới tính*” và “*giới*” như sau: “*Giới tính* là sản phẩm của tự nhiên với những nét đặc thù sinh học hầu như không biến đổi và những thuộc tính ấy gần như đồng nhất. Còn *giới* lại là sản phẩm của xã hội với những đặc trưng của văn hóa, nó rất dễ biến đổi. Đó là nam hay nữ, một cậu con trai hay một cô con gái thì phải thể hiện ở quần áo, điệu bộ, nghề nghiệp, mạng lưới xã hội và tính cách cá nhân, cũng như một đặc trưng của bộ phận sinh dục” (Oakley, 1972).

Hay “*giới* được hiểu là cấu trúc xã hội và văn hóa, liên quan đến tương quan vị trí của nam và nữ” (Razavi & Miller, 1995).

Từ điển The New Oxford Dictionary of English (1998) định nghĩa giới (gender) chỉ “*trạng thái là nam hay nữ thường được dùng để chỉ sự khác biệt xã hội và văn hóa, chứ không phải các khác biệt sinh học*”.

Theo Hesse-Biber và Carger (2000) “*Yếu tố giới do xã hội xác định; ý nghĩa xã hội gán cho hai giới tính nam và nữ. Mỗi xã hội nhấn mạnh vai trò đặc biệt của mỗi giới tính, mặc dù phạm vi chấp nhận những hành vi của mỗi giới khá rộng*” (Hesse-Biber và Carger, 2000).

Tổ chức Y tế thế giới nhấn mạnh: “*Thuật ngữ giới được dùng để mô tả những đặc tính của phụ nữ và đàn ông, những đặc tính này được xã hội kiến tạo nên. Trong khi giới tính do yếu tố sinh học quyết định. Con người là nam hay nữ khi mới sinh ra phải học hỏi để trở thành nam giới hay nữ giới. Những hành vi học được sẽ xác định căn tính giới*

và quyết định vai trò giới” (World Health Organization, 2002).

Tóm lại: khái niệm giới đề cập đến những khác biệt về mặt xã hội do các nhóm xã hội con người tạo ra. Những quan niệm về giới luôn nảy sinh từ tính chất của các quan hệ xã hội và của những hình thái tổ chức xã hội khác nhau. Bản chất xã hội của giới được thể hiện rõ trong sự khác nhau giữa các đặc tính và các hoạt động được coi là của nam giới và nữ giới khi được so sánh trong các nền văn hoá, giữa các tầng lớp xã hội và các nhóm dân tộc trong cùng một nền văn hoá, sẽ thay đổi theo thời gian.

2.1.2 Quan hệ giới (gender relations)

Theo từ điển Oxford, thuật ngữ “*quan hệ giới*” ra đời thập niên 1970 nghĩa là sự tương tác giữa các giới, đặc biệt được xem như một lĩnh vực nghiên cứu.

Mục từ *Gender relations* trong từ điển HIM 12,3 cho rằng thuật ngữ này được dùng để chỉ vai trò có tính chất cấu trúc của từng giới trong xã hội do lịch sử xã hội kiến tạo nên. Ở Đức, thuật ngữ này đặc biệt được chú ý, xuất hiện trong lĩnh vực xã hội học (145 nhan đề của bài nghiên cứu có liên quan trong những năm 1994 – 2000). Theo De Gouges (1791) trong *Declaration of the Rights of Man and citizen* cho rằng những hình thức của mối quan hệ giới phụ thuộc vào đạo đức, sự công bằng và sự tự do.

Những nghiên cứu về mối quan hệ giới (tương quan quyền lực nam nữ) trong lịch sử xã hội loài dựa vào phương thức sinh sống (săn bắn – hái lượm, nông nghiệp dùng cuốc, sự xuất hiện của đồ gốm, đồ sắt, nông nghiệp dùng cày, trồng trọt tách khỏi chăn nuôi) cho thấy mối quan hệ giới thay đổi theo từng thời kỳ lịch sử. Mối quan hệ giới được Johann Jakob Bachofen, Morgan, Marx, Engels đặc biệt quan tâm.

Johann Jakob Bachofen (1861) cho rằng chế độ hôn nhân một vợ một chồng là một thắng lợi của phụ nữ sau cuộc đấu tranh lâu dài chống lại chế độ loạn hôn. Ông giải mã sự thống trị và áp bức trong quan hệ giới và các hình thức không tương trong đó con người đã tạo ra và vẫn còn tuân theo.

Morgan (1871) cho rằng những sự phát triển của lực lượng sản xuất, phương thức sinh sống và nuôi dạy con cái đều có mối quan hệ chặt chẽ với nhau và quy định mối quan hệ giới. Trong công trình đầu tiên phê phán nền kinh tế chính trị, Marx cho rằng cả hai giới tính đều có mối quan hệ xã hội của nó. Theo Marx và Engels (2013) mối quan hệ giới được kiến tạo thông qua lực lượng sản xuất, phân phối sản phẩm và phân công lao động.

Như vậy, mỗi quan hệ giới là các mối quan hệ xã hội giữa phụ nữ và nam giới, đặc biệt là cách thức phân chia quyền lực giữa nam và nữ.

2.2 Cơ sở thực tiễn

2.2.1 Các nghiên cứu ở nước ngoài

Quyền lực (quyền quyết định) là một khía cạnh cơ bản của tất cả các mối quan hệ của con người, đặc biệt là quyền quyết định trong gia đình thể hiện sự tương quan về quyền lực vợ - chồng. Từ năm 1960, đã có một chương trình nghị sự đối thoại liên tục giữa các nhà khoa học xã hội nhằm tìm kiếm cách thức xác định, đo lường, giải thích, và hiểu được hệ quả của sự khác biệt về quyền lực trong quan hệ vợ chồng. Quyền lực trong gia đình được cụ thể hóa là quyền ra quyết định các vấn đề trong gia đình, được các nhà xã hội học gia đình xem là một chỉ báo quan trọng để hiểu được chức năng của gia đình như một tế bào của xã hội.

Quyền lực trong gia đình đã được xác định và đo lường theo nhiều cách khác nhau. Các định nghĩa đầu tiên và phổ biến nhất của quyền lực là khả năng của người chồng/vợ thuyết phục được người kia để được làm những điều mà mình muốn, ngay cả khi người kia có phản đối. Dựa trên định nghĩa này, Robert, Blood và Donald Wolfe (1960) đã phát triển công trình *Decision Power Index (Chỉ số đo lường quyền quyết định)*. Để đo lường quyền quyết định, các nghiên cứu đưa ra các câu hỏi chồng, vợ hay cả hai là người đưa ra quyết định cuối cùng những việc trong gia đình như: việc lựa chọn một chiếc xe, ngôi nhà hoặc căn hộ, kỳ nghỉ, bác sĩ, công việc của chồng, người vợ có nên đi làm hay không.

Chỉ số này vẫn là điểm cốt lõi của cuộc đối thoại về quyền quyết định trong gia đình. Là một công cụ đơn giản và dễ dàng quản lý, chỉ báo này vẫn tiếp tục được dùng trong các cuộc điều tra trên toàn thế giới, và có sự điều chỉnh để phù hợp với từng quốc gia. Nó đã được phê bình, phát triển và cải thiện. Gần một thập kỷ phát triển, một nghiên cứu đưa ra phương pháp luận liên quan đến việc đo lường *việc ra quyết định cuối cùng* (Mizan, 1994). Nhiều vấn đề của phương pháp đo lường này đã được kiểm nghiệm thực tiễn.

Một vấn đề đặt ra là có sự khác biệt giữa các câu trả lời của vợ và chồng. Tuy nhiên, dữ liệu từ các nước Hoa Kỳ, Ấn Độ và Panama cho thấy vợ và chồng có khuynh hướng trả lời tương đương nhau (Allen và Straus 1984; Danes, Oswald, và De Esnaola 1998). Từ dữ liệu nghiên cứu ở Canada, Merlin Brinkerhoff và Eugen Lupri (1978) và Vanaja Dhruvarajan (1992) cho thấy rằng tầm quan trọng của những quyết định và tần suất quyết định phụ thuộc vào vai trò giới. Phụ nữ có xu hướng là

người quyết định cuối cùng trong một số lĩnh vực như chăm sóc con cái, thực phẩm của gia đình, chi tiêu dài hạn và đi khám bác sĩ.

Có lập luận cho rằng điều quan trọng là xác định và đo lường quyền lực như một quá trình năng động, kiểm tra các vấn đề như chiến lược ảnh hưởng và những nỗ lực (Aida và Fabio, 1991; Zvonkovicet al., 1994). Sử dụng một định nghĩa đa chiều kích của quyền lực, Aafke Komter (1989) định nghĩa quyền lực như "khả năng ảnh hưởng có ý thức hay vô thức lên cảm xúc, thái độ, sự tri nhận, hoặc hành vi của người khác" (p. 192). Nghiên cứu các cặp vợ chồng người Hà Lan, Komter thấy rằng các cặp vợ chồng chia sẻ bình đẳng trong việc ra quyết định, nhưng vẫn còn những chiến lược và cơ chế quyền lực tiềm ẩn chưa được bộc lộ dẫn đến việc phụ nữ muốn thay đổi nhiều hơn trong các mối quan hệ vợ chồng, nhưng ít khi họ đạt được thành công. Kết quả là, xã hội vẫn thừa nhận một ý thức hệ về quyền lực của người chồng hơn người vợ.

Giống như đo lường về quyền lực, *Lý thuyết nguồn lực* của Blood và Wolfe (1960) đã có một vai trò nổi bật trong việc giải thích quyền quyết định trong gia đình. Theo lý thuyết này, quyền quyết định trong gia đình là kết quả từ sự đóng góp của các nguồn lực, đặc biệt là giáo dục, thu nhập, và tình trạng nghề nghiệp đến các mối quan hệ. Vợ hoặc chồng người nào có đóng góp nhiều nhất sẽ có quyền ra quyết định lớn hơn.

Nghiên cứu về quyền quyết định trong gia đình ở Israel, Liat Kulik (1999) cho thấy không chỉ các nguồn lực vật chất, mà sức khỏe và năng lực lao động, nguồn lực tâm lý (kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng xã hội), và vốn xã hội (mạng xã hội) có liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến quyền quyết định trong gia đình. Tại Thổ Nhĩ Kỳ và Mexico, sự ràng buộc của một người vợ đối với gia đình có thể chuyển thành quyền lực trong quan hệ vợ chồng (Bolak, 1995; Oropesa, 1997).

Mặt khác, sống chung với gia đình nhà chồng như ở Ấn Độ, người chồng có quyền quyết định cao hơn (Conklin, 1988). Trong một nghiên cứu hơn một trăm xã hội tiền công nghiệp, nhìn chung, phụ nữ có quyền lực ở gia đình hạt nhân cao hơn ở gia đình mở rộng. Tuy nhiên, trong các xã hội nơi các gia đình mở rộng còn phổ biến, phụ nữ có quyền lực khi cư trú bên nhà vợ và theo chế độ mẫu hệ cao hơn cư trú bên nhà chồng và theo chế độ phụ hệ (Warneret al., 1986).

Theo Pyke (1994), Bolak (1995), Blaisure và Allen (1995), làm công việc nhà không tạo ra thu nhập cũng phải được tính là đóng góp có giá trị trong mối quan hệ vợ chồng, công việc này phản ánh quyền lực của phụ nữ nơi gia đình.

Bổ sung cho lý thuyết *Nguồn lực* của Blood và Wolfe, David Heer (1963) đã phát triển một lý thuyết *trao đổi* (*Exchange theory*) về quyền lực trong gia đình, cho rằng ai có thể tiếp cận các nguồn lực bên ngoài sẽ có quyền quyết định cao hơn.

Phát triển từ lý thuyết nguồn lực của Blood và Wolfe, Hyman Rodman (1967, 1972) cố gắng giải thích sự mâu thuẫn giữa các văn hóa trong mối quan hệ giữa các nguồn lực và quyền lực trong ở Đức, Hoa Kỳ, Pháp, Đan Mạch, Bỉ, Hy Lạp, và Nam Tư. Lý thuyết này giải thích rằng việc phân chia quyền lực trong gia đình không chỉ từ sự đóng góp không đồng đều các nguồn lực, mà còn từ các bối cảnh văn hóa của gia đình đó. Các chuẩn mực giới của một nền văn hóa tác động lên sự phân chia quyền lực.

Lý thuyết về nguồn lực trong bối cảnh văn hóa đã được áp dụng ở các nước trên khắp thế giới. Ở các nước Bắc Âu, và Bắc Mỹ được coi là xã hội bình đẳng, các cặp vợ chồng ở Đan Mạch và Hoa Kỳ cho rằng họ bình đẳng trong việc ra quyết định các vấn đề gia đình nhưng sự đóng góp nguồn lực của vợ chồng vẫn có ảnh hưởng đến cán cân quyền lực (Kandel và Lesser 1972). Các nghiên cứu ở Thụy Điển và Na Uy cho thấy rằng ngay cả trong những xã hội tương đối bình đẳng, quyền lực của nam giới có thể không quá cao hơn nữ giới trong xã hội nhưng trong quan hệ quyền lực giữa vợ và chồng, quyền quyết định của người chồng có phần trội hơn người vợ (Calasanti và Bailey, 1991; Thagaard, 1997).

Các nước Mỹ Latin thường được giả định mang đặc trưng văn hóa phụ hệ. Tuy nhiên, dữ liệu nghiên cứu từ Chile, Mexico và Panama cho thấy mặc dù người chồng có thể có quyền lực cao hơn trong gia đình, nhưng nhiều gia đình có xu hướng bình đẳng giữa vợ chồng và ai đóng góp nhiều hơn cho gia đình sẽ có quyền lực hơn (Cromwellet al., 1973, Alvarez, 1979; Oropesa, 1997; Daneset al., 1998).

Tại các nước Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Israel, Rumani, Nga, Trung Quốc và các quốc gia Hồi giáo có sự kết hợp giữa hiện đại và truyền thống, chế độ gia trưởng sửa đổi (*modified patriarchy*), phụ nữ có cơ hội bàn thảo với chồng về việc quyết định các vấn đề gia đình, và sự đóng góp của họ cho kinh tế gia đình có ảnh hưởng đến quyền lực của họ trong gia đình (Fox, 1973; Bolak, 1995). Ở Đông Âu, cả hai vợ chồng đều làm việc bên ngoài nên vợ chồng có xu hướng bình đẳng trong việc ra quyết định, nhưng phụ nữ vẫn chịu trách nhiệm chính cho việc gia đình (Lapidus, 1978; Elliot và Moskoff, 1983).

Như vậy, quyền quyết định các vấn đề trong gia đình của vợ chồng đã trở thành chủ đề đối thoại của các nhà khoa học xã hội từ những quan điểm, nền văn hóa và phương pháp tiếp cận khác nhau. Kết quả của chương trình nghị sự này cho ra đời nhiều công trình lý thuyết và thực nghiệm quyền quyết định trong gia đình.

2.2.2 Các nghiên cứu trong nước

Vấn đề “việc ra quyết định các vấn đề trong gia đình” luôn là chủ đề lý thú thu hút sự quan tâm nghiên cứu của nhiều nhà xã hội học. Các tác giả tập trung phân tích hai vấn đề: chồng hay vợ là người quyết định chính các vấn đề của gia đình và những yếu tố nào quyết định quyền quyết định đó.

Theo nguồn tài liệu tham khảo, hiện có hai nhận định trái chiều nhau về quyền quyết định của người chồng và người vợ trong gia đình:

(1) Những nhận định cho rằng mỗi tương quan vợ - chồng trong việc ra quyết định các công việc gia đình ngày càng có xu hướng bình đẳng. Chẳng hạn Mai Kim Châu (1986) cho rằng đối với những công việc và chi tiêu hàng ngày đều do phụ nữ quyết định, và những công việc lớn như đầu tư sản xuất, mua thêm đất đai, nhà cửa, mua sắm các thứ đắt tiền do người chồng quyết định. Tuy nhiên, không còn sự độc quyền quyết định nơi người chồng mà có sự bàn bạc của hai vợ chồng. Tuổi tác có ảnh hưởng đến sự bàn thảo này. Những cặp vợ chồng dưới 30 tuổi, có khuynh hướng bàn luận trước khi người chồng quyết định cao hơn; lứa tuổi càng cao, những công việc quan trọng chuyên dần cho người chồng quyết định là chính. Trong nghiên cứu gần đây nhất của Vũ Mạnh Lợi và các đồng nghiệp khác (2013) cho thấy quyền quyết định của phụ nữ ngày càng tăng lên hai vợ chồng cùng bàn bạc ra quyết định là hình thức phổ biến nhất đối với hầu hết các khía cạnh của đời sống gia đình. Tuy nhiên, vợ là người quyết định nhiều hơn chồng đối với công việc sản xuất của gia đình. Tỷ lệ phụ nữ là người ra quyết định chính hay là người đồng ra quyết định chính cũng ngang bằng với nam giới ở những việc liên quan đến chăm sóc sức khỏe cho các thành viên và những hoạt động xã hội chung của cả hai vợ chồng. Điều này gợi ra rằng phụ nữ đang có xu hướng gia tăng ảnh hưởng của mình trong những hoạt động xã hội ngoài gia đình. Đây là điều rất khác với các nghiên cứu trước đây (Vũ Mạnh Lợi và ctv., 2013). Nghiên cứu trường hợp tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn Hà Nội, khảo sát quyền quyết định giữa vợ và chồng trong sản xuất kinh doanh, việc mua bán đồ đạc đắt tiền, quan hệ gia đình và họ hàng, hoạt động xã hội, Vũ Thị Cúc (2007) kết luận “mô hình quyền quyết định trong gia đình (...) hiện nay đã có sự thay đổi theo chiều

hướng ngày càng bình đẳng hơn thể hiện ở tỷ lệ vợ chồng cùng bàn bạc đi đến quyết là tương đối cao trong hầu hết các việc...quyền quyết định nhiều hơn thuộc về người nào làm thường xuyên công việc đó chứ không hẳn là người có nắm quyền lực kinh tế” và cùng nghiên cứu trường hợp của Vũ Thị Cúc, Vũ Thị Thanh (2009) có kết luận tương tự. Lê Ngọc Vân (2012) cho rằng “mô hình ra quyết định trong gia đình đã có nhiều thay đổi so với truyền thống. Người phụ nữ, người vợ tham gia đáng kể vào việc quyết định các vấn đề quan trọng trong gia đình như công việc sản xuất kinh doanh, các khoản chi tiêu lớn, số con...”.

(2) Những tác giả cho rằng “dù trong gia đình người vợ là người phải đảm nhận hầu hết các công việc, thậm chí họ còn là người mang lại thu nhập chính cho gia đình, nhưng phần lớn quyền quyết định thuộc về người chồng, người vợ chỉ là người thực thi các quyền quyết định đó” (Mai Huy Bích và Lê Thị Kim Lan, 1999; Đặng Thị Hoa, 2001) và thu nhập là yếu tố có ảnh hưởng đến quyền quyết định ấy. Cùng quan điểm này Trương Phúc Hưng (2008) kết luận “phụ nữ hầu như có rất ít quyền quyết định trong gia đình” (bắt nguồn từ những định kiến giới rằng phụ nữ thường nông nổi, do dự và do đó không có khả năng ra quyết định và chủ hộ là nam giới. Tác giả cho rằng “những phân tích sâu cho thấy quyền quyết định cuối cùng những vấn đề quan trọng thường vẫn thuộc về nam giới. Không ít nhà nghiên cứu ở Việt Nam dưới góc độ văn hóa đã cố gắng chỉ ra rằng phụ nữ cũng có quyền quyết định trong gia đình như quyền quyết định chi tiêu “tay hòm chìa khóa” hoặc có quyền ra quyết định ngầm trong gia đình “lệnh ông không bằng công bà”. Tuy nhiên, xét dưới khía cạnh giới, lập luận này không phản ánh đúng vị trí thấp kém của phụ nữ so với nam giới. Một chỉ báo khá rõ về địa vị thấp hơn của người phụ nữ trong gia đình là quyền quyết định cuối cùng thường thuộc về người chồng. Mặt khác, người vợ thường phải từ bỏ thói quen của mình, nhượng bộ trước những đòi hỏi của chồng hoặc thay đổi các quyết định để làm hài lòng chồng khi giữa hai người không có sự thống nhất về lối sống và quan điểm. Sự nhường nhịn, cam chịu, ít đòi hỏi của phụ nữ một mặt phản ánh những giá trị giới thịnh hành trong nền văn hóa, mặt khác phản ánh sự hạn chế trong khả năng thương lượng và năng lực ra quyết định của phụ nữ” (Trương Phúc Hưng, 2008).

2.3 Phương pháp nghiên cứu

2.3.1 Phương pháp thu thập tư liệu bao gồm nghiên cứu định tính và định lượng

Đối với thông tin định tính, sử dụng phương pháp quan sát tham dự, phỏng vấn sâu và thảo luận

nhóm. Đối với thông tin định lượng, điều tra bảng 320 hộ gia đình theo bản hỏi có cấu trúc.

2.3.2 Phương pháp phân tích số liệu

– Phân tích định lượng đối với các số liệu kết quả điều tra bằng bảng câu hỏi, thông qua các bảng phân tổ thống kê, trong đó có chú ý tới những yếu tố giới tính và các công việc trong gia đình.

– Khai thác thông tin từ các kết quả phỏng vấn sâu và các báo cáo nhật ký điền dã do các thành viên thực hiện tại các địa bàn khảo sát.

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Mô tả đối tượng nghiên cứu

Dung lượng mẫu khảo sát là 320 hộ gia đình có đủ vợ chồng và con cái, trong 320 người trả lời có 119 nam và 201 nữ, người lớn tuổi nhất sinh năm 1945 và người nhỏ tuổi nhất sinh năm 1992. Phân theo nhóm tuổi có tỷ lệ như sau: Dưới 30 tuổi chiếm 10,6%, từ 31-49 tuổi chiếm 65,3% và trên 50 tuổi có 24,1%. Trình độ học vấn tương đối thấp: mù chữ 11,6%, cấp I: 41,6%, cấp II: 36,6%, cấp III: 7,2% và trung cấp, cao đẳng, đại học: 3,1%. Phần lớn các hộ dân theo Phật giáo Hòa Hảo (43,8%) và không theo tôn giáo (34,1%), Phật giáo (15,6%), số hộ theo Công giáo (2,2%) và Cao đài (4,4%) không đáng kể. Nghề nghiệp chính là trồng trọt (29,4%), làm thuê nông nghiệp (15,9%), buôn bán và dịch vụ (15%), trong khi viên chức chỉ chiếm 4,4%, chăn nuôi và tiểu thủ công nghiệp chỉ chiếm 1,9%, còn 33,4% còn lại không lao động tạo ra thu nhập do bệnh tật, đi học, làm nội trợ. Trung bình tổng số người trong hộ gia đình là 4 người, gồm 2 thế hệ, số người trong độ tuổi lao động nam là 1 và số người lao động nữ cũng là 1. Phần lớn nhà ở cấp 4 (nhà lợp tole, nền xi măng, tường gạch) 62,8%, nhà đơn sơ cũng còn phổ biến (20,6%), nhà cấp 3 (5,3%), nhà cấp 2 (7,8%), nhà kiên cố (3,4%). Số hộ gia đình đã sử dụng lưới điện quốc gia chiếm 64,2%, số còn lại sử dụng bình acquy, dầu hỏa, củi, gỗ, than trong việc thắp sáng và làm chất đốt. Đa số các hộ đã có nước máy (có đồng hồ chính) dùng trong ăn uống (52,3%), số khác dùng nước mưa (17,9%) và ngày càng có nhiều hộ chọn việc mua nước thùng để uống (16,8%). Những hộ được hỏi đa số đánh giá về mức sống của gia đình mình là trung bình (51,6%), số hộ có mức sống nghèo chiếm 27,5%, khá giả chiếm 18,8%, rất nghèo là 9%, chỉ có 1,3% hộ giàu. Nguyên nhân nghèo là gia đình không có đất sản xuất (33,3%), gia đình có người ốm đau, bệnh tật (28,9%), vợ không có thu nhập ổn định (22,2%), chồng không có thu nhập ổn định (12,2%).

Nhìn chung, 320 hộ khảo sát chủ yếu sống bằng nghề nông, làm thuê nông nghiệp, dịch vụ và buôn

bán. Thu nhập bình quân đầu người thấp nên mức sống trung bình và nghèo. Những hộ này chủ yếu sống trong những ngôi nhà cấp 4 và nhà đơn sơ, phần lớn đã có đồng hồ điện và đồng hồ nước riêng. Người dân có khuynh hướng mua nước thùng để uống. Ở mỗi hộ số nam và số nữ tham gia lao động ngang bằng nhau, điều này phù hợp cho việc phân tích mối quan hệ giới về quyền ra quyết định các việc trong gia đình theo giới.

Trong cuộc sống hàng ngày, mỗi gia đình đều có những điều cần phải được quyết định một cách đúng đắn để định hướng sự phát triển của gia đình. Đó là những quyết định trong việc sử dụng đất do cha mẹ hỗ trợ, việc mua, bán đất gia đình nói chung, trong công việc sản xuất kinh doanh, trong những công việc quan trọng khác (vay nợ, cách điều trị cho người bệnh, tổ chức lễ cưới, lễ tang), quyết định trong việc học hành, định hướng nghề nghiệp và hôn nhân cho con cái, quyết định trong việc chi tiêu hàng ngày. Tùy theo tính chất của mỗi công việc mà chồng hay vợ sẽ là người có quyền

quyết định chính hay cả hai vợ chồng cùng bàn bạc để ra quyết định.

3.2 Quyền quyết định sử dụng đất trong gia đình

Trong 320 hộ được khảo sát có 168 hộ (52,5%) được gia đình bên chồng hỗ trợ đất đai (đất nền nhà ở và đất sản xuất) và chỉ có 10,6% hộ được gia đình bên vợ hỗ trợ, điều này cho thấy rõ hình thức cư trú sau hôn nhân ở phía nhà chồng vẫn chiếm ưu thế. Trong số những hộ được cha mẹ chồng hỗ trợ đất đai thì người chồng có quyền quyết định rất cao (70,8%) trong khi đó người vợ ít có quyền quyết định (2,4%), cả hai vợ chồng (22,6%). Ngược lại, đối với đất đai do cha mẹ vợ hỗ trợ thì người chồng vẫn có quyền quyết định cao hơn vợ (32,4%), vợ (26,5%) điều này cho thấy người đàn ông là người có quyền quyết định việc sử dụng đất đai do cha mẹ hai bên hỗ trợ, không kể đến bên chồng hay bên vợ. Tuy nhiên, nếu đất cha mẹ vợ hỗ trợ mức độ hai vợ chồng cùng quyết định cao hơn (35,3%) so với đất do cha mẹ chồng hỗ trợ.

Bảng 1: Người có quyền quyết định việc sử dụng đất

(đvt:%)

	Chồng	Vợ	Hai vợ chồng	Con cái	Người khác	Tổng
Đất bên cha mẹ chồng hỗ trợ	70,8	2,4	22,6	1,5	9%	100
Đất bên cha mẹ vợ hỗ trợ	32,4	26,5	35,3	2,9	2,9	100

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2014

Tuy nhiên, kết quả kiểm định cho thấy rằng học vấn có ảnh hưởng đến quyền quyết định sử dụng đất do gia đình để lại ($\text{sig}=0,037 < 0,05$, $\text{df}=12$). Càng lên những cấp học cao hơn thì vai trò quyết định của người chồng trong hoạt động này càng thấp (từ 84,6% ở cấp mù chữ xuống 44,4% ở cấp CĐ/ĐH) vì khi trình độ học vấn càng cao người đàn ông thường giảm định kiến là nam giới có quyền quyết định những việc lớn trong gia đình và không tham khảo ý kiến của vợ. Với người vợ thì xu hướng ngược lại, càng học lên cao thì người vợ

có quyền quyết định cao hơn so với chồng (từ 3,8% ở cấp mù chữ lên 11,1% ở cấp ĐH) vì khi có trình độ học vấn càng cao, người phụ nữ càng ý thức được quyền được bàn bạc với chồng những quyết định quan trọng. Đối với hai vợ chồng cũng vậy, nếu học vấn càng cao thì sự bình đẳng trong việc đưa quyết định càng rõ. Chỉ có 7,7% hai vợ chồng cùng quyết định sử dụng đất đai ở cấp học mù chữ nhưng có đến 24,4% ở cấp I và cao nhất là 44,4% ở CĐ/ĐH.

Bảng 2: Người có quyền quyết định việc sử dụng đất do cha mẹ hai bên hỗ trợ

(đvt%) (nhóm theo học vấn)

Người ra quyết định sử dụng đất	Học vấn đã nhóm					Tổng
	Mù chữ /BDBV	Cấp I	Cấp II	Cấp III	TC/CD/DH	
Chồng	84,6	68,6	59,6	50	44,4	64,6
Vợ	3,8	5,8	7,4	7,1	11,1	6,6
Cả 2 vợ chồng	7,7	24,4	28,7	21,4	44,4	24,9
Người khác	3,8	1,2	4,3	2,14	0	3,9
Tổng	100	100	100	100	100	100

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài năm 2014

Tương tự với quyền ra quyết định đối với đất đai do cha mẹ hỗ trợ, năm 2013 trong 35,3% hộ có mua bán đất đai (64,7% hộ được hỏi không có việc

này) số người trả lời do vợ quyết định chiếm 4,1%, do chồng quyết định chiếm 19,4% và cả hai vợ chồng quyết định chiếm 11,9%. Học vấn có ảnh

hưởng đến việc quyết định ai là người có quyền mua bán nhà/đất (sig=0,025, df=12). Khi trình độ học vấn cao (CĐ/ĐH) thì người đàn ông vẫn là người quyết định chính (30%) nhưng đứng sau đó là xu hướng hai vợ chồng cùng quyết chuyện này (20%).

Trong thực tế người chồng là người có quyền quyết định cao hơn người vợ trong việc sử dụng, mua bán đất đai của gia đình (bao gồm đất cha mẹ hỗ trợ và đất tự hai vợ chồng có được). Điều này khác với luật đất đai (2013) quy định “Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng”. Như ông N.V.M nói “về tài sản đất đai, người chồng có quyền quyết định cao hơn vợ một tí” hay ông T. cũng khẳng định ông là người quyết định chính trong việc mua thêm đất đai do ông có tính quyết đoán, và thương xuyên theo dõi, biết được thông tin giá đất. Nhưng theo ông Đ.V.C, đất đai do vợ chồng tạo dựng sau hôn nhân do hai vợ chồng đứng tên, nếu người chồng có tự ý bán cũng không thể, trừ phi đất người chồng được thừa kế từ gia đình mình. Hay ngược lại, đất đai mà người vợ thừa kế của gia đình từ trước hôn nhân thì người vợ sẽ có quyền quyết định chính.

Dù người chồng là người quyết định cuối cùng trong việc sử dụng đất đai nhưng trước khi đi đến quyết định hệ trọng này hai vợ chồng thường bàn luận rất kỹ (nhất là việc bán đất có liên quan đến sinh kế của gia đình). Gia đình bà N.T.H.L (ấp Phú Thượng 1, xã Kiến An, huyện Chợ Mới, An Giang) là gia đình có mối quan hệ vợ chồng khá bình đẳng trong các quyết định quan trọng. Bà nói vừa rồi chồng bà muốn mua thêm một mảnh đất kia nhưng bà thấy không hợp lý vì bà biết mảnh đất đó không tốt, sau khi nghe bà giải thích chồng bà đã nghe theo.

Kết quả khảo sát bảng câu hỏi định lượng cho thấy người chồng là người có quyền quyết định chính trong việc sử dụng, mua bán đất đai (kể cả đất do cha mẹ vợ hỗ trợ) nhưng bên cạnh đó tỷ lệ hai vợ chồng cùng bàn thảo đề đưa đến quyết định cũng khá cao, nhất là đối với những gia đình có trình độ học vấn cao. Tuy nhiên, bên cạnh yếu tố giới, trình độ học vấn có tương quan chặt chẽ với tỷ lệ chồng, vợ quyết định đối với vấn đề đất đai.

3.3 Quyền quyết định trong công việc sản xuất và kinh doanh

Theo thông tin phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm, trong hoạt động tạo ra thu nhập cho gia đình, trên bình diện tổng thể, khó có thể khẳng định ai là người có quyền quyết định chính mà tùy theo tính chất công việc kinh doanh, sản xuất của gia đình và chồng hay vợ là người làm chính công

việc đó thì chồng hoặc vợ là người quyết định chính. Đối với công việc làm ruộng, chồng là người làm chính nên chồng là người ra quyết định chính. Chẳng hạn như những gia đình ông Đ.V.C, ông B.V.B, bà L.T.C.H, bà N.T.H.L...

“Đàn ông trong gia đình trực tiếp làm ruộng thì quyết định mùa này sạ giống lúa gì, rải phân, xịt thuốc như thế nào. Hay quyết định mùa này có trồng mè hay không cũng là do đàn ông. Đàn bà ở nhà sao có thể quyết định những chuyện này. Tuy nhiên, thỉnh thoảng vợ chồng có bàn nên bán lúa cho ai” (Ông Đ.V.C, xã Vĩnh Trinh).

“Đầu tư mua thêm đất đai vợ chồng phải bàn bạc với nhau. Còn cái vụ về đầu tư như là mua vật tư nông nghiệp để làm ruộng thì chú quyết định, tại vì cái này nói chung nó là thường lệ rồi. Tại vì bà ấy đâu có biết đến thuốc men, hay giống lúa gì đâu” (Ông L.V.H, xã Vĩnh Trinh).

Những gia đình nuôi bò, nuôi tôm, nuôi dê đàn ông chịu trách nhiệm chính nên đàn ông là người quyết định trong những việc này như trường hợp gia đình ông N.V.B (xã Tân Hưng Đông) nuôi tôm, gia đình ông N.V.K (xã Kiến An) nuôi bò, hộ ông L.T.P nuôi dê.

Nhưng ngược lại ở những gia đình nuôi heo như hộ ông D.V.T (xã Kiến An), nuôi lươn ở hộ bà P.C.B, bà P.T.L đều do người vợ đảm trách nên người vợ sẽ là người quyết định việc mua bán sản phẩm, mua con giống, chăm sóc.

Với những hoạt động, sản xuất đã đi vào “nền nếp”, ai chịu trách nhiệm chính sẽ là người đưa ra các quyết định liên quan đến công việc ấy. Tuy nhiên, đối với trường hợp chuyển đổi hoạt động sản xuất kinh doanh, theo kết quả khảo sát, trong năm 2013, trong số 49,7% hộ có việc này (50,3% hộ không có việc này), tỷ lệ hai vợ chồng cùng bàn thảo đưa ra quyết định cao (26,6%), chồng quyết định (16,8%) và vợ (5,3%), con cái (0,9), người khác (0,3)

Việc chồng thường là người quyết định việc chuyển đổi sinh kế của gia đình hay quyết định mở rộng đầu tư sản xuất kinh doanh được các người trả lời giải thích rằng đàn ông có tính quyết đoán và có óc đầu tư trong sản xuất kinh doanh trong khi người vợ thường sợ thất bại thiếu tính quyết đoán nên người chồng phải là người quyết định cuối cùng “Chuyện làm ăn thì thường tôi quyết định vì tôi quyết đoán hơn và mạnh dạn đầu tư và biết đầu tư. Đôi khi tôi có bàn với bà ấy nhưng bà hơi nhát, bà không chịu, thành ra tôi phải quyết luôn”. Mặt khác, “đàn ông là người nắm rõ tình hình kinh tế hơn do đàn ông có giao tiếp rộng rãi hơn” (Ông N.V.M, xã Vĩnh Trinh).

Trong gia đình bà L.T.C.H (xã Kiến An), chồng bà là người quyết định cuối cùng những việc kinh doanh, sản xuất “Bây giờ mình muốn mua ăn gì đó mình phải thông qua anh ấy, anh chịu thì quyết định còn không chịu thì thôi, mình đâu tự ý mua. Hay hai vợ chồng thỏa thuận nếu anh đồng ý thì mình mua”.

Nhưng cũng không phải không có trường hợp ngược lại, như gia đình bà L.T.T.T (xã Vĩnh Trinh), chồng bà chỉ biết đi làm ở ngoài ruộng, những việc quan trọng của gia đình đều do bà T quyết định: năm 2004 bà quyết định mua đất làm ruộng, chồng bà bỏ nghề làm hồ đi làm ruộng theo sự sắp xếp của bà. Khi đã làm ruộng, mỗi vụ Đông Xuân, bà sẽ là người cân nhắc bán lúa ngay hay trữ lại chờ lúa lên giá. Bà cũng là người quản lý kinh tế và quyết định chi tiêu trong gia đình hay đi vay tiền khi gia đình bị thiếu hụt. Chồng bà không bao giờ ý kiến về những việc trên vì rất tin tưởng vào tài vén khéo và chi tiêu tiết kiệm của bà. Bằng chứng là kinh tế gia đình ngày càng khá hơn nhờ sự tính toán làm ăn của bà.

Bên cạnh đó, khuynh hướng cả hai vợ chồng cùng bàn thảo để mở rộng kinh doanh cũng khá phổ biến. Gia đình N.T.H.L quyết định đầu tư mở nhà máy sản xuất nước đá, mua hai máy gặt đập liên hợp khi đã có sự thống nhất của hai vợ chồng. Bà nói: “Nói nào ngay là vợ chồng tôi đồng lòng lắm. Thí dụ như mình muốn làm ăn cái gì phải nói "em muốn làm ăn cái đó có được không anh?" hay ông ấy muốn làm ăn gì thì nói "anh muốn làm ăn cái chuyện đó được không, em tính coi làm được không?", hai vợ chồng cùng suy nghĩ, tính toán với nhau để quyết định. Khi đã quyết định làm ăn cái gì hai vợ chồng cùng lo, còn nếu cái nào không được thì thôi nghỉ làm. Như mấy hôm nay ông ấy nằng nặc đòi mua thêm một chiếc máy gặt đập liên hợp nữa nhưng tôi giải thích "bây giờ mua máy cũng vẫn được mà thiếu nhân công làm, giờ thiếu nhân công lắm, nhiều khi đang làm nó nghỉ ngang là mình không có người làm, rồi máy móc bỏ đó sao, hư hao lắm! Mà số tiền bỏ ra mua một máy gặt đập liên hợp đâu có ít. Nghe tôi nói phải nên ông nghe mà không đòi mua máy nữa”.

Kết quả nghiên cứu ở An Giang của Phan Thuận (2015) cũng có phần tương đồng với nghiên cứu này: vợ chồng có sự bàn bạc với nhau để thống nhất trong việc quyết định các vấn đề liên quan đến sản xuất. Trong lĩnh vực sản xuất 55,5% người trả lời cả hai vợ chồng cùng bàn bạc nhau, áp dụng kỹ thuật 59,3%, vay vốn và sử dụng vốn 55,5%, chuyển nhượng đất đai 58,7% và buôn bán sản phẩm là 72%.

Với việc làm ăn của gia đình cả hai vợ chồng cùng bàn bạc để đưa ra quyết định là xu hướng khá phổ biến trong các gia đình ở ĐBSCL. Dù rằng do tính cách quyết đoán, có óc đầu tư lại là người trực tiếp sản xuất nên trong các gia đình ở ĐBSCL người chồng là người quyết định sau cùng. Nếu chỉ dựa vào con số thống kê ai là người quyết định chính trong từng việc thì sẽ thấy người chồng là người có quyền quyết định liên quan đến lĩnh vực sản xuất, kinh doanh cao hơn vợ, từ đó kết luận có sự bất bình đẳng trong mối quan hệ vợ - chồng hay quan hệ giới là điều hiển nhiên.

3.4 Quyền quyết định các công việc quan trọng trong gia đình: vay nợ, cách thức điều trị cho người bị ốm, tổ chức lễ cưới, lễ tang trong gia đình, quan hệ với họ hàng, láng giềng

Trong gia đình, người đàn ông thường là người quyết định việc đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh nên họ cũng là người quyết định việc vay vốn của gia đình. Năm 2013, trong 320 hộ khảo sát có 56,9% hộ vay vốn và 43,1% hộ không vay vốn. Việc vay vốn chủ yếu do chồng quyết định (39,4%), vợ ít có vai trò quyết định đối với việc này (13,4%) mặc dù khi vay ngân hàng luôn yêu cầu cả hai vợ chồng đứng tên.

Người vợ thường là người trực tiếp chăm sóc người bệnh nên sẽ là người quyết định chính trong việc đưa ra cách thức điều trị cho người bệnh (25,6%), người chồng ít có quyết định hơn (8,1%) trong khi xu hướng hai vợ chồng cùng bàn bạc để đưa ra quyết định lớn (39,1%). Mặt khác, do phụ nữ với vai trò là người chăm sóc các thành viên trong gia đình, tái sản xuất sức lao động cho gia đình nên là người quan tâm đến những thông tin sức khỏe, họ chủ động tìm kiếm thông tin để có cách điều trị tốt nhất cho người bị ốm trong gia đình. Vì vậy, họ là người quyết định chính trong vấn đề này.

Trong các hộ khảo sát, phần lớn không có xảy việc tang lễ (80,3%), trong số hộ còn lại (19,7%) thì có 11,3% người trả lời cho rằng cả hai vợ chồng cùng ra quyết định đối với vấn đề tổ chức tang lễ trong gia đình. Kế đến là tỷ lệ chồng (6,9%) quyết định nhiều hơn vợ (1,3%).

3.5 Quyền quyết định trong việc học hành, định hướng nghề nghiệp (chọn trường cho con) và hôn nhân của con cái

Con cái là người có quyết định chính trong việc học hành của mình (20,3%) nhưng tỷ lệ vợ, chồng cùng bàn thảo để đưa ra quyết định chọn trường cho con là cao nhất (27,2%) điều này cho thấy có sự thống nhất cao của hai vợ chồng. Chỉ có 5,6% người trả lời cho rằng vợ là người ra quyết định trong việc chọn trường cho con. Con cái cũng là

người quyết định chính khi xin việc làm (30,9%). Đối với hôn nhân của con cái, ngày nay cha mẹ vẫn có vai trò (16,9%), và trong đó người cha (8,8%) là người có quyết định cao hơn mẹ (1,9%).

3.6 Quyền quyết định trong chi tiêu hàng ngày

Người vợ là người trực tiếp làm việc nội trợ, chăm sóc gia đình, là người quản lý trong gia đình nên người vợ là người có quyền quyết định chính trong chi tiêu hàng ngày (80,6%), kể đến là hai vợ chồng cùng quyết định (9,7%), người chồng ít tham gia quyết định việc này (6,9%), con cái (0,9%) và người khác (1,9%).

Thông tin từ những cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm đều cho biết vì người vợ là người quán xuyến công việc trong gia đình nên là người quyết định chính trong việc chi tiêu hàng ngày.

Ông Đ.V.C (xã Vĩnh Trinh) nói vợ ông là người quản lý chi tiêu cho gia đình từ năm 1985. Ông L.V.H (xã Vĩnh Trinh) “Chi tiêu xài đó hả? thì bà ấy quyết, nói chung chú làm ruộng sau thu hoạch là bà ấy giữ hết, chú không giữ gì hết tron, không có lấy gì hết tron, giao cho bà ấy hết tron”.

Ông N.V.M (xã Vĩnh Trinh) cho rằng các khoản chi tiêu trong gia đình do người phụ nữ quyết định “Vì bà ấy là cái hầu bao (là người giữ tiền) nên là người quyết định việc chi tiêu. Tuy nhiên, để gia đình hạnh phúc thì vợ chồng nên trao đổi với nhau, thí dụ như hôm nay là chi tiêu cái gì, hay cho con đóng tiền học phí hai vợ chồng đều biết hết; còn thường thường thì bà ấy quyết định cái vấn đề tài chính hơn, người vợ đảm đang hơn nên đảm nhiệm việc giữ tiền và chi tiền”. Trong gia đình ông B.V.B (xã Vĩnh Trinh), mọi chi tiêu trong gia đình đều do vợ ông quản lý. Ông nói "mình đàn ông làm ra tiền chứ đâu giữ tiền, vợ chồng quan trọng phải tin tưởng nhau, thu nhập bao nhiêu tôi mang về giao cho vợ giữ. Vợ xài cái này nợ cho gia đình cũng báo cáo". Người vợ giữ tiền vì "đàn ông có đi đâu thì vợ đưa tiền bỏ túi là được rồi. Còn người vợ ở nhà phải lo mọi chi phí trong gia đình từ việc mua hành, bột ngọt, nước mắm, đồ ăn, thức uống, đóng tiền học cho con, mua sắm lặt vặt cho gia đình... kiểu đàn ông mà giữ tiền, quyết định chi tiêu hàng ngày là coi không được. Đàn ông mà giữ tiền kỹ dữ lắm, khi có công chuyện nói vợ đưa tiền thì hay hơn”.

Bảng 3: Người ra quyết định chính các công việc trong gia đình trong năm 2013

(đvt: %)

Công việc		Không có việc này	Chồng	Vợ	Hai vợ chồng	Con cái	Người khác	Tổng
Mua bán đất	Số người	207	62	13	38			320
	%	64,7	19,4	4,1	11,8			100
Vay nợ	Số người	138	126	43	Không có TT	1	12	320
	%	43,1	39,4	13,4		0,3	3,8	100
Chuyển sản xuất kinh doanh	Số người	161	53	17	85	3	1	320
	%	50,3	16,6	5,3	26,6	0,9	0,3	100
Cách thức điều trị cho người bị ốm	Số người	74	26	82	125	5	8	320
	%	23,1	8,1	25,6	39,1	1,6	2,5	100
Lựa chọn trường cho con	Số người	109	18	40	87	65	1	320
	%	34,1	5,6	12,5	27,2	20,3	0,3	100
Chi tiêu hàng ngày	Số người		22	258	31	3	6	320
	%		6,9	80,6	9,7	0,9	1,9	100

Nguồn: kết quả khảo sát của đề tài năm 2014

Như vậy, theo kết quả nghiên cứu, trong gia đình tùy theo công việc mà chồng là người quyết định chính hay vợ là người quyết định chính. Quyền quyết định này chịu ảnh hưởng từ tính chất công việc nhiều hơn là tính chất quyền lực của giới. Phần lớn trong các gia đình ở nông thôn ĐBSCL, người chồng tạo ra nguồn thu nhập và người vợ là người quản lý, quyết định các khoản chi. Nguồn thu của người chồng không phải là yếu tố duy nhất quyết định sự giàu có hay nghèo khó của một gia đình mà sự “vén khéo” của người vợ cũng không kém phần quan trọng. Người vợ có

cách chi tiêu hợp lý, quản lý hiệu quả nguồn thu nhập chồng mang về thì kinh tế của gia đình sẽ khá lên và ngược lại. Vậy trong mối tương quan giới không thể nói người chồng có quyền lực hơn người vợ trong việc ra quyết định cho những công việc của gia đình. Hầu hết, những người vợ, người chồng được phỏng vấn cho rằng, có sự thỏa thuận ngầm giữa vợ và chồng trong việc phân công ai là người ra quyết định cho những việc của gia đình. Cơ sở của sự quyết định này là dựa trên lợi ích của gia đình. Người nào hiểu biết nhiều về lĩnh vực nào, làm chính công việc nào và thường có những

quyết định đúng thì sẽ là người quyết định công việc đó. Ở đây không “câu nệ” về cán cân quyền lực: người nào quyết định thì người đó có quyền hơn người kia.

Phần lớn những công việc trong gia đình đều do hai vợ chồng bàn luận để cùng ra quyết định là xu hướng phổ biến nơi các gia đình ở ĐBSCL ngày nay. Thông tin từ những cuộc phỏng vấn sâu và thảo luận nhóm góp phần lý giải thêm về kết quả thống kê trên.

Ông D.V.C (xã Vĩnh Trinh) nói rằng nếu những việc quan trọng trong gia đình cả hai vợ chồng cùng bàn thảo để ra quyết định thì sáng suốt hơn do vợ hay chồng quyết định “Tôi thấy chuyện ra quyết định điều gì trong gia đình nếu bàn cho kỹ do hai người quyết định thì nó tốt hơn một người, bởi vì nhiều ý kiến nó hay hơn một ý kiến, mà có nhiều khi quyết đoán có khi nó cũng sai chứ không phải đúng đâu, ai mà đúng hết được, thành ra làm cái gì tôi thấy có vợ chồng bàn kỹ nhau thì nó tốt hơn”.

Ông B.V.B (xã Vĩnh Trinh) cũng có quan điểm trên "trụ cột trong gia đình mình là có quyền đối với một số việc hệ trọng của gia đình nhưng mà mình đừng cậy quyền quá không được, cái gì nó cũng tương đối thôi, thường thường người ta nói nam nữ bình quyền, đàn ông có thể trên quyền phụ nữ một chút nhưng mà đừng có lấn lướt quá nghen. Tài sản trong gia đình cả hai vợ chồng đều có quyền quyết định vì "của chồng công vợ" vợ chồng sống phải hiểu nhau. Thí dụ chú có quyền của mình, nhưng mà cái gì cũng phải thông qua vợ đồng lòng mới được chứ không phải là mình muốn làm cái gì là mình làm ngang. Khi cất nhà hay mua sắm đồ đạc đất tiền, vợ chồng phải bàn bạc nhau trước khi thống nhất nhau rồi chú mới quyết”.

Tại cuộc thảo luận nhóm nữ ở xã Đông Hưng đa số phụ nữ trả lời “Chuyên tiền bạc trong gia đình chủ yếu do phụ nữ quản lý. Những chuyện chi tiêu cho các vấn đề trong cuộc sống đều được hai vợ chồng bàn bạc, thông qua. Việc dạy dỗ con cái cũng do cả hai vợ chồng đảm nhiệm. Nếu có đám tiệc, hai vợ chồng có ở nhà thì cùng đi, chồng phải đi làm thì vợ đi hoặc ngược lại nhưng nếu đi hai vợ chồng thì tốt hơn (hàng xóm đánh giá sự bền chặt trong tình cảm của vợ chồng đó)” (Thảo luận nhóm nữ, xã Đông Hưng, 2014).

Theo ông N.V.M (xã Vĩnh Trinh), “vai trò trụ cột của người đàn ông trong gia đình không đồng nghĩa với vai trò "lãnh đạo" của người đàn ông trong gia đình mà "người trụ cột chỉ là vấn đề gánh vác những việc nặng, chứ không phải là để lãnh đạo gia đình, không thể nói là trụ cột thì được quyền quyết hết tất cả mọi sự, có nhiều quyền không phải. Trụ cột giống như nhà có cây cột cái để cho tất cả các cây kèo khác bám vào đó, để xây

dựng thành cái ngôi nhà, chứ không phải là trụ cột thì có quyền hạn tất cả trong gia đình”.

Theo bà H.T.T (xã Vĩnh Trinh): “gia đình nào phụ nữ biết đi làm kiếm được tiền về cho gia đình sẽ chiếm ưu thế, có quyền phân công chồng, tại mấy bà cũng đã tự lập được rồi mấy ông phải nghe thôi. Vấn đề kinh tế chi phối chứ không phải là cái quan niệm nữa. Thí dụ như nhiều gia đình chồng nghèo cưới vợ giàu là vợ lấn quyền. Tôi thấy ở ấp Vĩnh Long có nhiều trường hợp vợ đi làm kiếm được nhiều tiền hơn chồng có quyền khiến chồng nữa. Người ta hiểu quan hệ bình đẳng nó chịu ảnh hưởng của kinh tế”.

Ông T.X.P (xã Kiến An) cho rằng: “khi mua sắm đồ đạc đất tiền thường hai vợ chồng cùng bàn bạc chứ không thể mình chồng hay mình vợ quyết định. Không phải đàn ông là trụ cột gia đình rồi có quyền quyết định tất cả. Đồng ý đàn ông là người kiếm tiền chính trong gia đình nhưng phụ nữ là người giữ tiền, sẽ là người cân đối chi tiêu trong nhà nên chồng phải bàn qua. Hai vợ chồng thường thống nhất đàn ông quyết định, còn đàn bà quản lý. Người ta thường nói đàn ông như cái đàng, đàn bà như cái đó, đàn ông gom tiền về mấy bà quản lý cái chuyện chi tiêu hàng ngày”.

Cũng có gia đình quan niệm những chuyện lớn do chồng quyết định, chuyện nhỏ do vợ quyết định giống như phân công lao động "Chú là chồng, thì những chuyện lớn, chẳng hạn: bán bò hay mua bán đất đai hay là những chuyện gì của đàn ông thì chú đảm đương, còn cái phần kim chi, bếp núc thì để vợ quyết định. Còn như nói chuyện cưới gả hay là những chuyện gì khách khứa thì chú cũng quyết với trách nhiệm làm chồng làm cha” (Ông L.V.K, xã Kiến An).

So sánh với kết quả nghiên cứu của Trần Hữu Quang (2013) tại địa bàn Nam Bộ (Tây Nam Bộ và Đông Nam Bộ) càng củng cố thêm kết quả trên: “Đối với công việc sản xuất thì có 45% hộ gia đình có người quyết định chủ yếu là người chồng và đối với việc đại diện cho gia đình để giao dịch với bên ngoài người chồng đảm nhiệm chiếm 59% hộ gia đình. Những trường hợp gia đình có người quyết định chủ yếu là người vợ chiếm tỷ lệ tương đối thấp. Còn đối với những công việc của gia đình như mua sắm đồ đạc đất tiền, các quan hệ trong gia đình và họ hàng, việc học hành của con cái, phần lớn đều cả hai vợ chồng quyết định (chiếm từ 56% tới 63% tổng số hộ điều tra). Nhìn chung, tỷ lệ người vợ tham gia vào bàn bạc với chồng những công việc gia đình chiếm tỷ lệ khá cao ở các hộ gia đình trong mẫu điều tra”.

Kết quả khảo sát của nghiên cứu tương đồng với nhận định của Nguyễn Quang Vinh (1995): ở

Nam Bộ “địa vị và tiếng nói của người vợ, người con gái trong gia đình từ lâu vẫn tỏ ra có trọng lượng hơn so với phụ nữ trong các khuôn phép gia đình nông thôn phía Bắc (...) chúng tôi nhận thấy mức độ tham gia của phụ nữ trong việc bàn bạc các việc quan trọng của gia đình (như chuẩn bị thay đổi mùa vụ, vay mượn lớn, chi tiêu lớn...) đạt từ 46% đến 66% tổng số phụ nữ từ 15 tuổi trở lên”. Và nhận định của Ngô Văn Lệ “Mọi công việc trong gia đình, người đàn ông vẫn là người chủ trì, nhưng đã có sự tham gia của người vợ (...) Người vợ có

quyền tham dự vào những quyết định có liên quan đến gia đình và trong đa số các gia đình người vợ là người giữ ngân quỹ (Gerald C. Hickey) (dẫn theo Nguyễn Quang Vinh, 1995).

Tham khảo kết quả nghiên cứu của Trần Thị Vân Anh và Nguyễn Hiếu Minh cũng cho thấy hiện nay người vợ cùng bàn bạc với người chồng để đưa ra những quyết định về số con, việc học hành của con, quan hệ gia đình và họ hàng, mua đồ đạc đất tiền, sản xuất kinh doanh (Bảng 4).

Bảng 4: Người quyết định nhiều hơn theo các công việc của gia đình

Công việc	Người ra quyết định nhiều hơn (%)			
	Vợ	Chồng	Vợ chồng như nhau	Người khác
Mua đồ đạc đất tiền	9,1	26,7	57,1	2,2
Các quan hệ trong gia đình, họ hàng	11,7	23,2	61,1	3,2
Những hoạt động cộng đồng	20,1	28,7	47,6	2,0
Việc học hành của con cái	16,7	14,7	61,1	0,5
Sản xuất kinh doanh	12,3	19,4	39,5	0,7

Nguồn: Trần Thị Vân Anh, Nguyễn Hiếu Minh, 2008

Dù có việc do người chồng quyết định chính, có việc do người vợ quyết định chính nhưng tỷ lệ chồng và vợ cùng bàn bạc để quyết định chiếm tỷ lệ tương đối lớn (Bảng 3) nên trong số 320 hộ khảo sát, vợ chồng ít mâu thuẫn nhau trong việc đưa ra các quyết định. Trong việc sản xuất kinh doanh chỉ có 25/320 hộ có mâu thuẫn; trong 87/320 hộ có việc xây dựng nhà cửa trong năm 2013 thì chỉ có 8 trường hợp có mâu thuẫn; trong 304/320 hộ có đầu tư cho con cái trong năm 2013 chỉ có 13,4% trường hợp có mâu thuẫn... Nhìn chung, trong các gia đình ở ĐBSCL, người vợ đã tham gia bàn bạc với chồng để đưa ra quyết định về những công việc của gia đình nên giữa họ ít khi xảy ra mâu thuẫn.

4 KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

4.1 Kết luận

Chúng ta thường bị rơi vào “cái bẫy” trong gia đình các công việc mua bán đất đai, đầu tư sản xuất, kinh doanh là những việc lớn, quan trọng (nhóm 1); còn những việc chăm sóc người bệnh, người già, nuôi dưỡng và giáo dục con cái, chi tiêu trong gia đình là những việc nhỏ, ít quan trọng (nhóm 2), lập luận rằng ai là người có quyền quyết định chính và cuối cùng những công việc nhóm 1 tức là người có quyền lực trong gia đình và người quyết định những công việc nhóm 2 là người ít quan trọng. Từ đó kết luận có sự bất bình đẳng giữa vợ - chồng trong gia đình, nam - nữ trong xã hội. Theo chúng tôi cách lập luận này mang nặng tính định kiến. Để vượt qua định kiến này chúng ta phải xem mỗi công việc trong gia đình đều có giá trị như nhau, nó như mỗi bộ phận trong cơ thể người, tim rất quan trọng nhưng không thể nói tim chỉ không quan trọng. Công việc tạo ra thu nhập để

nuôi sống gia đình là quan trọng nhưng gia đình liệu có phải là một gia đình đúng nghĩa không nếu con cái không được nuôi dưỡng và giáo dục nên người. Quyền quyết định cho mỗi công việc đều có giá trị ngang nhau.

Trong các cuộc khảo sát của nghiên cứu, tùy theo sinh kế của gia đình thì người chồng hay người vợ là người quyết định chính. Công việc làm nông do người chồng đảm nhiệm chính nên những việc liên quan đến nghề nông: mua bán đất đai, đầu tư máy móc, mua vật tư đều do người chồng đảm nhận. Nhưng đối với những việc mua bán nhỏ (bán nước giải khát, thức ăn, rau màu) thì người vợ là người quyết định chính. Nhưng những việc đầu tư kinh doanh nói chung thì cả hai vợ chồng cùng quyết định. Mặt khác, chúng ta cần phải xem xét ai là người có thể mạnh ở lĩnh vực nào thì người đó sẽ quyết định chính việc đó. Người đàn ông thường quyết đoán, có óc đầu tư hơn phụ nữ nên họ là người quyết định việc vay vốn làm ăn nhưng cũng có gia đình phụ nữ quyết đoán hơn thì tình huống ngược lại. Trong khi người chồng ít có thông tin về vấn đề sức khỏe nên thường để người vợ quyết định những việc này. Tính quyết đoán, óc đầu tư, sự tỉ mỉ, tính thận trọng, tài vén khéo sắp đặt công việc trong gia đình là những biến số có ý nghĩa tham chiếu đưa đến việc người chồng hay người vợ là người quyết định chính việc nào.

Đối với những việc “trung tính” ít chịu sự chi phối của tính chất giới như việc chọn trường, chọn nghề, và hôn nhân của con cái thường hai vợ chồng có quá trình bàn thảo với nhau để cùng ra một quyết định thống nhất (có sự tham khảo ý kiến của con cái).

Để một gia đình vận hành và phát triển lành mạnh người vợ, người chồng phải thực hiện hai nhóm công việc: những công việc liên quan đến việc tạo ra nguồn thu nhập và tái sản xuất sức lao động (chăm sóc sức khỏe, học tập, hôn nhân...). Như đã phân tích ở trên, trong các gia đình ở ĐBSCL, người chồng hay người vợ là người đưa ra quyết định cuối cùng trong công việc gia đình chịu sự chi phối của sự phân công lao động, trình độ học vấn, bối cảnh văn hóa của gia đình, yếu tố quyền lực áp đảo mang tính chất giới không thể hiện rõ rệt trong các quyết định này. Như vậy, theo kết quả cuộc nghiên cứu này, không có sự bất bình đẳng giữa vợ và chồng trong việc ra quyết định các công việc của gia đình. Giữa hai vợ chồng không có mâu thuẫn lớn trong việc đưa ra các quyết định.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aida, Y., and Falbo, T. (1991), "Relationships between Marital Satisfaction, Resources and Power Strategies", *Sex Roles*, Vol.24, pp.43-56.
- Allen, C. A., and Straus, M. A. (1984), "'Final Say' Measures of Marital Power: Theoretical Critique and Empirical Findings from Five Studies in the United States and India, *Journal of Comparative Family Studies*, Vol 15, pp. 329-344.
- Alvarez, M.D.L (1979), "Family Power Structure in Chile: A Survey of Couples with Children in Primary School", *International Journal of Sociology of the Family*, Vol.9, pp.123-131.
- Ann Oakley, 1972. *Sex, Gender and Society*. Maurice Temple Smith Published.
- Blood, R.O., and Wolfe, D.M. (1960), *Husbands and Wives: The Dynamics of Married Living*, Glencoe, IL: Free Press.
- Bolak, H.C. (1995), "Towards a Conceptualization of Marital Power Dynamics: Women Breadwinners and Working – Class Households in Turkey", In *Women in Modern Turkish Society*, ed. S. Tekeli. London: Zen Books.
- Calasanti, T.M, and Baily, C.A. (1991), "Gender Inequality and the Division of Household Labor in the United States and Sweden: A Socialist – Feminist Approach", *Social Problems*, Vol.38, pp.34-53.
- Conklin, G.H. (1988), "The Influence of Economic Development on Patterns of Conjugal Power and Extended Family Residence in India", *Journal of Comparative Family Studies*, Vol. 19, pp.187-205.
- Danes, S.M.; Oswald, R.F; and De Esnaola, S.A. (1998), "Perceptions of Couple Decision Making in Panama", *Journal of Comparative Family Studies*, Vol 29, pp. 570-583.
- Fox, G.L. (1973), "Another Look at the Comparative Resource Model: Assessing the Balance of Power in Turkish Marriages", *Journal of Marriage and Family*, Vol.35, pp.718-730
- Heather Brown, 2013. *Marx on Gender and Family: A Critical study*, Haymaker Books.
- Hesse-Biber, S. & Carger, G. L, 2000. *Working women in America: Split dreams*. New York: Oxford University Press.
- HIM dictionary (2005), "Gender Relations", pp.279-302. Truy cập ngày 20/2/2017.
- Reverso dictionary (2005), *Gender Relations*, dhcm.inkrit.org, Truy cập ngày 9/2/2017.
- Lê Ngọc Vân (2012), "Một khía cạnh về mối quan hệ vợ chồng qua các cuộc điều tra xã hội học gần đây ở Việt Nam", *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình và giới*, số 2, tr.43-58.
- Mai Kim Châu (1986), "Phụ nữ Việt Nam trong gia đình nông thôn", *Tạp chí Xã hội học*, số 2, tr.28-34.
- Mizan, A.N (1994), "Family Power Studies:Some Major Methodological" Issues *International Journal of Sociology of the Family*, Vol.24, pp. 85-91.
- Oropesa, R.S. (1997), "Development and Marital Power in Mexico", *Social Forces*, Vol.75, pp.1291-1317.
- Razavi, S & Miller, C , 1995. *From WID to GAD: Conceptual shifts in the women and development discourse*. United Nations Research Institute for Social Development. Reviewed 22 November 2013.
- Thagaard, T. (1997), "Gender, Power, and Love: A Study of Interaction between Spouses", *Acta Sociologica*, Vol.40, pp.357-376.
- Tổng cục Thống kê Việt Nam, 2009. *Thông cáo báo chí Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009: Công bố kết quả điều tra toàn bộ*. <https://www.gso.gov.vn>. Truy cập ngày 9/2/2017.
- Trương Phúc Hưng (2008), "Phân tích vai trò giới và ảnh hưởng của nó tới sự ra quyết định", <http://repositories.vnu.edu.vn>. Truy cập ngày 9/2/2017.
- Vũ Mạnh Lợi, ctv (2013), "Phân công lao động và quyền quyết định trong gia đình nông thôn đồng bằng Bắc Bộ", *Tạp chí Nghiên cứu Gia đình & Giới*, số 1, tr.3-16.
- Vũ Thị Cúc (2007), "Vấn đề thu nhập và quyền quyết định trong gia đình nông thôn hiện nay – Nghiên cứu trường hợp tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội", *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, số 6, tr.41-52.
- Vũ Thị Thanh (2009), "Bất bình đẳng giới giữa vợ và chồng trong gia đình nông thôn Việt Nam hiện nay – Qua khảo sát tại xã Phù Linh, huyện Sóc Sơn, Hà Nội", *Tạp chí Nghiên cứu gia đình và giới*, số 1, tr.35-46.
- Warner, R.L; Lee, G.R: andLee, J. (1986), "Social Organization, Spousal Resources and Marital Power: A Cross – cultural Study", *Journal of Marriage and the Family*, Vol.48, pp.121-128.
- World Health Organization, 2002. *Integrating gender perspectives into the work of WHO*. Switzerland.
- Zvonkovic, A.M.; Schmiede, C.J; and Hall, L.D. (1994), "Influence Strategies Used when Couple Make Work – Family Decisions and Their Importance for Marital Satisfaction", *Family Relations*, Vol.43, pp.182-188.